

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

Bản án số 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31- 8 – 2022
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi
con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI - TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành.

Các hội thẩm nhân dân: Nguyễn Văn Thủy và ông Ngô Tấn Quyết.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Minh Quang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Công Tư- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, Về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn , xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Công B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai, yêu cầu, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công B kết hôn năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. Trước khi kết hôn, hai anh chị được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc, sau đó gia đình hai bên đã tổ chức đám cưới cho anh chị theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2018, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; theo chị Nga trình bày nguyên nhân là do anh Lê Công B không quan tâm tới vợ con, không làm tròn bổn phận của người chồng. Vợ chồng luôn bất hòa, không cùng quan điểm trong cuộc sống, Kinh tế trong gia đình.

Trong quá trình chung sống, gia đình nội, ngoại hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng chị và có khuyên nhủ, hòa giải, tuy nhiên anh Lê Công B không chịu thay đổi, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Từ tháng 6/2020 đến nay, vợ chồng chị sống ly thân nhau, chị đã chuyển về làm công nhân tại Công ty cổ phần công nghiệp Thiên sơn, ở tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Kể từ khi ly thân, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể giải quyết, nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung; vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Công S sinh ngày 6/5/2018. Hiện nay, cháu đang ở cùng với ông bà nội tại thôn Ea Mdhar 2- Ea Nuool- Buôn Đôn- Đắk Lắk. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Công S; cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Lê Công B phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị Nguyễn Thị N đang làm công nhân tại công ty cổ phần công nghiệp Thiên Sơn, có địa chỉ tại 214 Nguyễn Tri phương thành phố Vũng Tàu; thu nhập trung bình được khoảng 15 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung; không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Lê Công B trình bày: Tôi và N về chung sống với nhau từ năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ huyện N tỉnh Kon Tum, Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân nhau từ lâu, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Lê Công S sinh ngày 6/5/2018. Hiện nay, cháu đang ở với tôi, tôi đã cho cháu về thăm ông bà nội tại thôn Ea Mdhar 2- Ea Nuol- Buôn Đôn- Đắk Lắk. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Công S; cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; không yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh Lê Công B đang làm công nhân tại Nhà máy thủy điện Plei Kan, công ty cổ phần Tấn Phát, có địa chỉ tại khu công nghiệp Hòa Bình tỉnh Kon Tum; thu nhập trung bình được khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật; việc thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thực hiện các bước tố tụng trước khi xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố

tụng theo quy định; bị đơn vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ tổ tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Nguyễn Thị Nga được ly hôn với anh Lê Công Bôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lê Công B có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Công S cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu, không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Lê Công B có nơi cư trú tại thôn Ea Mdhar 2 xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk; nhưng có đăng ký tạm trú và làm ăn sinh sống tại thôn 2 xã Đăk Kan Huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum.

[2] Về quan hệ hôn nhân; căn cứ vào lời khai, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum và tổ chức hôn lễ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, đến giữa năm 2018 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trong khoảng thời gian dài, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, kéo dài, không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2000 đến nay.

[3] Tòa án đã tạo điều kiện tiến hành khuyên bảo chị Nga và anh Bôn, hòa giải mâu thuẫn, đoàn tụ nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc; nhưng nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất quyết yêu cầu được ly hôn, để được giải thoát khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung; có một con chung là Lê Công S sinh ngày 06/5/2018 quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Hiện nay cả chị N và anh B đều có thu nhập ổn định, ai cũng đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên xét thấy từ khi vợ, chồng mâu

thuần sống ly thân nhau. Năm 2020 chị N vào Vũng Tàu làm ăn đã gửi con lại cho ông, bà ngoại nuôi dưỡng, anh Lê Công B vẫn ở nhà gần ông bà ngoại vừa đi làm, vừa qua lại chăm sóc con chung, cho đến đầu năm 2022 anh Lê Công B cho cháu S về thăm Ông, bà nội ở Đắk Lắk, hiện nay anh B đang có nhà ở thôn 2 xã Đ huyện N tỉnh Kon Tum, gần nhà với ông, bà ngoại của cháu S, vì vậy nên giao con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu S là hợp lý, đảm bảo cho cháu S được học hành ổn định cuộc sống.

[5] Việc phân định trách nhiệm nuôi con chung như thế là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai vợ chồng; do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không có yêu cầu. Việc giao con cho người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi trong quá trình nuôi dưỡng sau này theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung và khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Đối với quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với đường lối, định hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công B. (Giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Kan Huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum.).

2. Con chung:

2.1. Anh Lê Công B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Công S, sinh ngày 06/5/2018 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

2.2. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do các đương sự không có yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, khoản nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước; xác nhận đã thi hành đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002838 ngày 16/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (31/8/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- UBND xã Đăk Kan;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM
THẨM PHÁN_ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hành